

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày 23 - 6 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Sái Đức Trung

***- Các hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Văn Đào.

Bà Nguyễn Thị Minh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện VKSND huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý theo thủ tục thông thường số: 01/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST - DS, ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1961

Ông Dương Nghĩa L, sinh năm 1959

Địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Đều có mặt)

**Bị đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong quá trình giải quyết các đương sự trình bày như sau:

- *Nguyên đơn bà M trình bày:* Tôi có quen biết, ở cùng xóm với bà H, bà H có chơi phường với tôi, tôi có thu xếp cho bà H lấy phường trước theo yêu cầu của bà H, sau đó bà H không nộp được một số suất phường. Sau đó tôi gọi điện cho bà H bảo nộp phường, nhưng bà H không có tiền nên bảo tôi nộp hộ, sau đó hết phường bà H vẫn không trả được có vay tiền tôi để trả phường. Tôi đã cho bà H vay số tiền là 86.000.000đồng, ngày 21/11/2018, có hẹn ngày trả, bà H có viết giấy vay tiền tôi và có hẹn trả ngày 15/4/2019, nhưng đến hạn không trả được. Nay tôi yêu cầu bà H trả tôi số tiền 86.000.000đồng trên, tôi không yêu cầu trả lãi.

- *Nguyên đơn ông L trình bày:* Tôi có cho bà H vay tổng số 170.000.000đồng, cụ thể: (ngày 18/02/2017 (âm lịch) 50.000.000đồng; ngày 29/8/2017 (âm lịch) 30.000.000đồng; ngày 20/01/2019 (âm lịch) là 90.000.000 đồng). Khi vay bà H có viết giấy vay tiền, do bà H tự viết và ký nhận, tôi đã đòi nhiều lần nhưng bà H không trả. Nay tôi yêu cầu bà H trả tôi tiền nợ gốc là: 170.000.000đồng, tôi không yêu cầu bà H trả lãi.

- *Bị đơn bà H trình bày:* Đối với mã 86.000.000 đồng của bà M là tiền phường, chưa đến kỳ đóng phường, bà M bảo đóng giúp cho tôi, sau đó bà M yêu cầu tôi viết giấy nợ vay. Đối với các khoản của ông L cũng là tiền phường, chưa đến kỳ đóng phường, ông L bảo đóng giúp cho tôi, sau đó ông L yêu cầu tôi viết giấy nợ vay. Toàn bộ đều là tiền phường, chứ không phải tiền vay mang về nhà sử dụng.

Quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà M vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu bà H trả số nợ gốc là 86.000.000đồng và yêu cầu trả lãi suất 10%/năm kể từ ngày 21/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2020. Vì số tiền cho bà H vay, bà đã vay Ngân hàng và phải trả lãi suất hàng tháng nên bà yêu cầu bà H phải trả lãi theo pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông L vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu bà H trả tiền nợ gốc là: 170.000.000đồng và yêu cầu trả lãi suất 10%/năm đến ngày xét xử

sơ thẩm 23/6/2020, cụ thể như sau: 50.000.000đ, kể từ ngày 18/02/2017 (âm lịch) tức là ngày 15/3/2017; 30.000.000đ, kể từ ngày 29/8/2017 (âm lịch) tức là ngày 18/10/2017; 90.000.000đ, kể từ ngày 20/01/2019 (âm lịch) tức là ngày 24/02/2019. Vì số tiền cho bà H vay, ông đã vay Ngân hàng và phải trả lãi suất hàng tháng nên ông yêu cầu bà H phải trả lãi theo pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn bà H thừa nhận có ký giấy vay tiền của bà M và ông L là: 256.000.000đồng để đóng tiền phường, số tiền này bà đã nộp phường cho chính bà M và ông L. Do vậy, tôi không nợ gì và không đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi suất theo yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà H địa chỉ: xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà M, ông L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H trả lại số tiền vay 256.000.000đồng, theo giấy vay tiền đã do bị đơn ký nhận. Đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dẫn đến phát sinh tranh chấp. Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng dân sự, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án:

- Xét thấy, quá trình thu thập tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa đương sự đã thừa nhận có giao dịch và ký vào giấy vay tiền, giấy vay tiền ngày 21/11/2018, bà H thừa nhận có vay của bà M 86.000.000đồng; các giấy vay tiền ngày 18/02/2017 (âm lịch) 50.000.000đồng; ngày 29/8/2017 (âm lịch) 30.000.000đồng; ngày 20/01/2019 (âm lịch) là 90.000.000 đồng bà H đều thừa nhận có ký vay tiền, mục

đích vay để đóng tiền phường cho bà M và ông L, bà không đồng ý trả nợ cho bà M và ông L.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà M và ông L đã cho bà H vay tiền 256.000.000đồng, bà H đã tự viết và ký vào giấy vay tiền. Nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay và đã giao tiền tuy nhiên đến hạn trả nợ bà H không thực hiện nghĩa vụ của bên vay là vi phạm. Nay bà M và ông L yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ gốc 256.000.000đồng và lãi suất 10%/năm, kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2020. Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên cần được chấp nhận.

- Xét yêu cầu của bị đơn: Bà H đã thừa nhận có vay và ký nhận vào giấy vay tiền của bà M là 86.000.000đồng và ông L là 170.000.000đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu phải trả tiền nợ gốc và lãi suất, bà H không đồng ý, lý do số tiền vay để nộp phường cho bà M và ông L. Bà không vay tiền của bà M và ông L mang về nhà sử dụng nên bà không đồng ý trả, nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ để chấp nhận.

- Về lãi suất: Bà M yêu cầu bà H phải trả lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) đối với nợ gốc 86.000.000đồng, kể từ ngày 21/11/2018 đến ngày xét xử 23/6/2020 là 19 tháng 02 ngày  $(86.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 19 \text{ tháng } 02 \text{ ngày}) = 13.609.700đ$  (Mười ba triệu sáu trăm linh nghìn bảy trăm đồng).

- Về lãi suất: Ông L yêu cầu bà H phải trả lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) đối với nợ gốc 170.000.000đồng, kể từ ngày vay đến ngày xét xử 23/6/2020, cụ thể:

+ Khoản vay 50.000.000đ, kể từ ngày 18/02/2017 (âm lịch) tức là ngày 15/3/2017 là 39 tháng 08 ngày  $(50.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 39 \text{ tháng } 08 \text{ ngày}) = 16.295.600đ$  (Mười sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm đồng);

+ Khoản vay 30.000.000đ, kể từ ngày 29/8/2017 (âm lịch) tức là ngày 18/10/2017 là 32 tháng 05 ngày  $(30.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 32 \text{ tháng } 05 \text{ ngày}) = 8.009.500đ$  (Tám triệu không trăm linh chín nghìn năm trăm đồng);

+ Khoản vay 90.000.000đ, kể từ ngày 20/01/2019 (âm lịch) tức là ngày 24/02/2019 là 15 tháng 29 ngày  $(90.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 15 \text{ tháng } 29 \text{ ngày}) = 11.927.100đ$  (Mười một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn một trăm đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước, như sau: 305.841.900đồng x 5% = 15.292.095đồng. Hoàn trả lại bà M, ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 357, 463, 465, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M và ông Dương Nghĩa L.
2. Về trách nhiệm trả nợ:

- Buộc bà Lê Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị M tiền nợ gốc 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng) và lãi suất 13.609.700đ (Mười ba triệu sáu trăm linh chín nghìn bảy trăm đồng). Tổng cộng: 99.609.700đ (Chín mươi chín triệu sáu trăm linh chín nghìn bảy trăm đồng).

- Buộc bà Lê Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Dương Nghĩa L tiền nợ gốc 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất 36.232.200đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm ba mươi hai nghìn hai trăm đồng). Tổng cộng: 206.232.200đ (Hai trăm linh sáu triệu hai trăm ba mươi hai nghìn hai trăm đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 15.292.095đ (Mười lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn không trăm chín mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho bà Hoàng Thị M và ông Dương Nghĩa L 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, theo biên lai thu số 0001057 này 07 tháng 01 năm 2020.

4. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Sái Đức Trung**

**ÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Lý**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: /2017/HNGD.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

Về việc: *Tranh chấp HĐMBTS*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Nguyễn Minh Lý** - Thẩm phán

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Gia

Bà Nguyễn Thị Nam

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình.

*Đại diện VKSND huyện Phú Bình tham gia phiên tòa :* Không tham gia phiên tòa

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 35/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐST - DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Trần Văn Hữu, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm Đồng Tiến, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên  
( cú mặt tại phiên tòa)

**Bị đơn:** Chị Lê Thị Hằng, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm Hóa, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên  
( cú mặt tại phiên tòa)



## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Trần Văn Hữu trình bày:** Anh có mở tiệm kinh doanh sơn tại xóm Đồng Tiến, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Vào năm 2011 chị Lê Thị Hằng có đến cửa hàng của anh đặt vấn đề mua sơn để sơn nhà. Ngoài mua sơn chị Hằng còn đặt vấn đề thuê anh sơn nhà cho chị, hai bên thống nhất sau khi sơn nhà xong chị Hằng sẽ thanh toán tiền sơn và tiền công sơn. Theo thỏa thuận anh đã bán cho chị Hằng tổng số sơn có giá trị là 52.575.000 đồng và tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng. Thế nhưng sau khi sơn nhà xong anh Hữu yêu cầu chị Hằng thanh toán tiền sơn và tiền công sơn nhà nhưng chị Hằng không trả, mà cứ khát hết lần này đến lần khác; anh đã đến đòi nhiều lần nhưng chị Hằng không thanh toán trả cho anh. Nay anh Hữu yêu cầu chị Hằng phải trả anh toàn bộ số tiền mua sơn còn nợ và tiền công sơn nhà là 62.575.000 đồng. Anh Hữu không yêu cầu chị Hằng phải trả lãi.

**Bị đơn Lê Thị Hằng trình bày:** Vào năm 2011 chị xây ngôi nhà ở 3 tầng và có nhu cầu sơn nhà. Chị có giao dịch thỏa thuận mua sơn của anh Trần Văn Hữu. Ngoài việc thỏa thuận mua sơn, hai bên có thỏa thuận chị thuê anh Hữu sơn nhà cho chị và anh Hữu có cung cấp sơn và thuê người đến sơn nhà cho chị. Chị xác nhận tổng số tiền sơn đến nay chị còn nợ anh Hữu là 52.575.000 đồng, tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền chị còn nợ anh Hữu là: 62.575.000 đồng. Chị cam kết sẽ có trách nhiệm trả nợ số tiền trên cho anh Hữu, nhưng vì hiện nay điều kiện kinh tế của chị rất khó khăn, bản thân chị sắp đến ngày sinh con nên chị xin anh Hữu cho chị được khát thêm vài năm nữa, sau khi con chị lớn chị sẽ thu xếp trả.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hoà giải nhiều lần xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án Dân sự quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của tòa án huyện Phỳ Bõnh, tỉnh Thỏi Nguyên.

### [1] Về nội dung:

Năm 2011 giữa anh Trần Văn Hữu và chị Lê Thị Hằng đã thỏa thuận hợp đồng mua bán sơn và sơn nhà đây là hợp đồng mua bán và dịch vụ quy định tại Điều 430 và Điều 513 BLDS.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: Năm 2011 anh Hữu có hợp đồng bằng miệng với chị Hằng về việc mua bán sơn và sơn nhà. Theo thỏa thuận anh Hữu đã bán cho chị Hằng sơn để sơn nhà với tổng số tiền là 52.575.000 đồng tiền sơn và tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng; anh Hữu đã thực hiện nghĩa vụ giao sơn và sơn nhà cho chị Hằng, nhưng chị Hằng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ của bên mua. Nay anh Hữu khởi kiện chị Hằng yêu cầu thanh toán

số tiền sơn và tiền công sơn nhà là 62.575.000 đồng. Chứng cứ anh Hữu xuất trình là 01 giấy nhận nợ của chị Lò Thị Hằng.

Điều 440 Bộ luật dân sự có quy định về nghĩa vụ trả tiền như sau:

*1. Bờn mua cú nghĩa vụ thanh toán theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.*

*2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thờ thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thờ bờn mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.*

*3. Trường hợp bờn mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thờ phải trả lói tròn số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.*

Điều 513 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng dịch vụ như sau:

*Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bờn cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bờn sử dụng dịch vụ, bờn sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bờn cung ứng dịch vụ.*

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Hữu, cần buộc chị Hằng thanh toán trả cho anh Hữu số tiền cũn nợ tròn.

Xét yêu cầu của bị đơn chị Lê Thị Hằng thờ thấy: chị Hằng xác nhận đã mua sơn của anh Hữu và thuê anh Hữu sơn nhà từ năm 2011, đến nay chị vẫn chưa trả anh Hữu khoản tiền nào, vì hoàn cảnh kinh tế của chị rất khó khăn, hiện nay chị sắp sinh con nên không thể trả tiền ngay cho anh Hữu được. Bản thân chị cũng không thể xác định được đến khi nào mới có thể trả tiền cho anh Hữu, chị đề nghị anh Hữu để cho chị sinh con xong khi nào con chị lớn, chị đi làm sẽ trả dần cho anh Hữu. anh Hữu không nhất trí. Việc chị Hằng không thanh toán tiền sơn và tiền công sơn nhà cho anh Hữu là đó vì phạm nghĩa vụ của bờn mua tài sản, nay chị xỏ nhận số tiền cũn nợ của anh Hữu nhưng không xác định được thời gian thanh toán nợ là không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Hằng, buộc chị Hằng phải thanh toán trả cho anh Hữu số tiền là 62.575.000 đồng và khụng phải trả lói do anh Hữu khụng yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hằng phải nộp tiền án phí DSST sung quỹ Nhà nước. Anh Hữu được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đó nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 513, 519; khoản 2 Điều 468; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Hữu đối với chị Lê Thị Hằng.

2. Buộc chị Lê Thị Hằng phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Trần Văn Hữu số tiền mua tài sản là 52.575.000 đồng ( Năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng) và tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tổng cộng chị Hằng phải trả cho anh Hữu số tiền là: **62.575.000 đồng** (*Sáu mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng*). Chị Hằng khụng phải trả lời do anh Hữu khụng yờu cầu.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Hữu có đơn yêu cầu thi hành ỏn, nếu chị Hằng không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS.

3. Về án phí đồn sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hằng phải nộp 3.128.750 đồng tiền án phí đồn sự sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước. Anh Trần Văn Hữu được hoàn số tiền 1.314.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án đồn sự huyện Phú Bình theo biên lai thu 0000158 ngày 27/7/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án đồn sự thì người được thi hành án đồn sự, người phải thi hành án đồn sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án đồn sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án đồn sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho Anh Hữu, chị Hằng biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Lý**